

thể khai báo được thì thuyền trưởng của phương tiện không bị hư hại phải làm nhiệm vụ khai báo với nhà chức trách.

Các trạm hoặc đồn Công an hoặc Ủy ban nhận được tin báo phải tới ngay nơi xảy ra tai nạn lập biên bản.

Điều 12. — Các cơ quan có trách nhiệm nói ở các điều 8, 9, 10 là các Ty Thủy lợi (nếu sự việc xảy ra ở các nông giang), các Sở Vận tải thành phố, các Ty Giao thông (nếu sự việc xảy ra ở các sông, hồ), các Ty Cảng vụ (nếu sự việc xảy ra trong phạm vi các cảng).

Điều 13. — Tùy theo trường hợp nặng nhẹ, người vi phạm các quy tắc giao thông đường sông phải chịu một hoặc nhiều hình phạt sau đây :

- Phê bình, cảnh cáo ;
- Phạt tiền từ 1 đến 5 đồng (phương tiện vận tải thô sơ).
- Phạt tiền từ 2 đồng đến 20 đồng (phương tiện vận tải cơ giới).
- Thu hồi bằng cấp (đối với thuyền trưởng và thuyền phó).

Trong những trường hợp sau đây, người vi phạm bị truy tố trước tòa án :

- Vi phạm nhiều lần đã được cảnh cáo và giáo dục nhưng không chịu sửa chữa ;
- Không chịu sự xử lý của cơ quan công an ;
- Gây ra tai nạn, làm thiệt hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân. Trong trường hợp này, ngoài những hình phạt về hình sự, can phạm còn phải bồi thường thiệt hại theo dân luật chung.

Điều 14. — Những cán bộ và nhân viên sau đây có quyền lập biên bản các vụ vi phạm quy tắc giao thông :

- a) Công an các cấp.
- b) Trưởng, Phó ty Giao thông, — Chánh, Phó Giám đốc Sở Vận tải thành phố, — Chánh, Phó Giám đốc các Khu Giao thông. — Chánh Phó Giám đốc Cảng, — Trưởng, Phó ty Cảng vụ, — Cục trưởng, Cục phó Cục Vận tải, — Trưởng, Phó ty Thủy lợi, — Chánh, Phó Giám đốc Khu Thủy lợi và các cán bộ, nhân viên được các cán bộ trên ủy nhiệm.

Điều 15. — Quyền hạn xử lý của các cán bộ nói ở điều 14 trên quy định như sau :

- a) Trưởng, Phó đồn Công an phạt tiền đến mức 5 đồng.
- b) Trưởng, Phó Quận Công an, Đại đội trưởng và Đại đội phó Cảnh sát giao thông trở lên phạt tiền đến mức tối đa 20đ.
- c) Đại đội trưởng, Đại đội phó Cảnh sát giao thông và Trưởng, Phó quận Công an trở lên, Trưởng, Phó ty Giao thông trở lên tạm thời giữ

bằng cấp của thuyền trưởng, rồi đề nghị với Tổng cục Giao thông thủy bộ chính thức thu hồi.

d) Trưởng, Phó ty Công an và Trưởng, Phó ty Giao thông trở lên có quyền truy tố người vi phạm trước tòa án.

e) Đối với các tai nạn nhỏ, thiệt hại không đáng kể, Công an các cấp đều có quyền điều đình bồi thường cho người bị thiệt hại.

Điều 16. — Các ông Bộ trưởng các Bộ Giao thông và Bưu điện, Thủy lợi và Công an chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 8 năm 1959

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

LIÊN BỘ

TU PHÁP — CÔNG AN —
VIỆN CÔNG TỔ TRUNG ƯƠNG —
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

THÔNG TƯ số 73-TT/LB ngày 11-8-1959*
quy định điều kiện và thủ tục xử
tù trước kỳ hạn.

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
VIỆN TRƯỞNG VIỆN CÔNG TỔ TRUNG ƯƠNG
CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Kính gửi các Ông : *Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu, tỉnh, thành phố, Giám đốc Sở Công an khu và thành phố, Trưởng Ty Công an tỉnh, Viện trưởng Viện Công tố khu, tỉnh, thành phố, Chánh án Tòa án Nhân dân khu, tỉnh, thành phố.*

Về việc xử tha tù trước kỳ hạn, thông tư số 556-TTg ngày 24 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng phủ quy định như sau :

« ... Khi xử xong thì phải tổ chức ngay cho phạm nhân lao động sản xuất một cách thiết thực. Kể nào lao động tốt, biểu hiện tốt về mặt cải tạo thì Công an đề nghị Công tố xét và đưa tòa án xử tha tù cho họ trước kỳ hạn ».

Sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, Liên bộ nói rõ thêm về mục đích ý nghĩa, điều kiện và thủ tục xử tha tù trước kỳ hạn như sau :

A. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA CỦA VIỆC XỬ GIẢM ÁN TÙ

Xử tha tù trước kỳ hạn là xử giảm án tù. Sau khi giảm án tù, nếu tính ra hết hạn tù rồi thì phạm nhân được tha ngay, nhưng nếu còn hạn tù thì phạm nhân vẫn phải tiếp tục ở cho đến hết hạn.

Trong chế độ ta, mục đích của hình phạt (đặc biệt là hình phạt tù) là *trừng phạt kết hợp với giáo dục cải tạo*. Việc giáo dục cải tạo trong trại giam được thực hiện bằng phương pháp cải tạo lao động.

Để khuyến khích phạm nhân nỗ lực cải tạo sớm trở thành người lao động lương thiện, phục vụ cho công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa, theo tinh thần của thông tư số 556-TTg nói trên, tòa án có thể xử giảm án tù cho phạm nhân nào có thành tích trong việc lao động cải tạo.

Giảm án tù cho phạm nhân đã cải tạo tốt không những để khuyến khích họ cải tạo, mà còn đồng thời thể hiện được tinh thần nhân đạo của chế độ ta là luôn luôn coi trọng con người, dùng giáo dục cải tạo để biến những phần tử phạm tội thành người công dân tốt.

B. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC GIẢM ÁN TÙ

Muốn được giảm án tù thì phạm nhân phải có những điều kiện sau đây:

a) Điều kiện cải tạo

Xử giảm án tù phải căn cứ trước hết vào sự cải tạo thực sự của phạm nhân, cho nên điều kiện cải tạo này là điều kiện chủ yếu.

Cải tạo tốt là biểu hiện trên 3 mặt kỹ luật, lao động sản xuất và thái độ chính trị.

Về *kỹ luật*: phải yên tâm cải tạo, phục tùng nội quy và kỷ luật của trại.

Về *lao động sản xuất*, phải yêu lao động và có lao động thực sự.

Về *thái độ chính trị*, phải ủng hộ chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào chế độ mới. Nó thể hiện ở chỗ có ý thức xây dựng trại, tự mình tích cực cải tạo và giúp các phạm nhân khác cải tạo tốt, có đấu tranh tư tưởng trong các buổi học tập và sinh hoạt trong trại, phát hiện thêm về tội trạng của mình nếu trước đây chưa khai hết với công an và tòa án, phát hiện cho Ban Quản giáo những âm mưu hành động xấu của các phạm nhân khác v.v...

Phạm nhân nào có đủ ba tiêu chuẩn trên về kỹ luật, lao động sản xuất và thái độ chính trị, mới được coi là đã cải tạo tốt.

Khi xét về điều kiện cải tạo này, các cơ quan có trách nhiệm phải xét thành tích cải tạo kết hợp

với tinh chất phạm pháp và lý lịch của phạm nhân để có nhận định đúng về mức cải tạo của phạm nhân. Cần phải thận trọng và đề phòng trường hợp phạm nhân giả vờ cải tạo.

b) Điều kiện thời gian ở tù.

Chỉ căn cứ vào mức cải tạo để giảm án là chưa đủ. Phạm nhân cải tạo tốt, nhưng cũng phải ở tù trong một thời gian nhất định mới được xét giảm án tù, như vậy để thực hiện đầy đủ cả hai mặt của mục đích hình phạt là trừng phạt kết hợp với giáo dục cải tạo. Và lại, ngay cả về mặt cải tạo, trong thực tế muốn thấy rõ được kết quả của việc cải tạo, cũng phải đợi một thời gian mới nhận định đúng mức cải tạo của phạm nhân.

— Phạm nhân bị án tù 6 tháng đến 5 năm tù phải ở 1/3 hạn tù mới được xét.

— Phạm nhân bị án tù trên 5 năm đến 10 năm tù phải ở 2 năm tù mới được xét.

— Phạm nhân bị án tù trên 10 năm đến 20 năm tù phải ở 3 năm tù mới được xét.

— Phạm nhân bị án tù chung thân thì phải ở 5 năm tù mới được xét.

c) Mức giảm án tù.

Cần phải quy định mức giảm án tù cũng là để thực hiện đúng đắn mục đích của hình phạt.

Mức giảm án tù nói chung mỗi lần từ 1 tháng đến 3 năm, nhưng trường hợp giảm 3 năm phải chặt chẽ.

Án chung thân lần đầu giảm xuống 20 năm tù.

Phạm nhân đã được giảm một lần, nếu vẫn tích cực cải tạo thì vẫn được xét giảm nữa, nhưng mỗi năm chỉ được xét giảm một lần, và tổng số năm, tháng tù được giảm không được quá phần nửa số năm, tháng tù đã ghi trong án.

Đối với án chung thân thì dù được nhiều lần giảm án, phạm nhân ít nhất cũng phải ở tù 12 năm.

Trong khi xét giảm án tù, phải hết sức thận trọng đối với bọn gián điệp, bọn phá hoại, bọn biệt kích, thổ phỉ những phần tử địa chủ ngoan cố không chịu cải tạo, những phần tử tư sản và phú nông ngoan cố chống phá chính sách, những tên lưu manh côn đồ cướp của giết người.

Đối với những người có thành tích công tác, đối với nhân dân lao động, đối với những người từ 60 tuổi trở lên, đối với những người có bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh kinh niên, đối với phụ nữ có chữa hoặc có con nhỏ, phạm tội hình sự thường nhẹ nay đã ăn năn hối cải quyết tâm cải tạo thì xét rộng rãi.

Trường hợp giảm án và tha ngay, cần phải chú ý đến hoàn cảnh của địa phương xem việc giảm án và tha ngay có lợi hay không có lợi cho địa phương.

d) Trường hợp đặc biệt.

Trường hợp phạm nhân có nhiều thành tích cải tạo hoặc lập công như giúp đỡ trại cải tạo kịp thời khám phá những tổ chức phản động, những tổ chức vượt ngục hay bạo động trong trại v.v... trường hợp phạm nhân già yếu, có bệnh nặng, trường hợp phụ nữ đông con v.v... thì có thể chấm dứt về điều kiện thời gian ở tù cũng như là về mức giảm án tù.

Về điều kiện thời gian ở tù thì có thể rút ngắn hơn thời gian đã quy định trong mục b phần B nói trên. Ví dụ phạm nhân có án tù chung thân, nếu ở trường hợp đặc biệt thì mới ở tù được 3 hoặc 4 năm cũng đã có thể được xét giảm án tù rồi.

Về mức giảm án tù, thì mỗi lần có thể xét giảm quá mức tối đa 3 năm và tổng số năm tháng tù được giảm có thể quá 1/2 số năm tháng tù đã ghi trong án được.

Đối với án tù chung thân thì có thể hạ số năm phải ở tù xuống dưới 12 năm như 10 năm chẳng hạn. Đặc biệt đối với những người 60 tuổi trở lên mới bị kết án tù chung thân thì có thể hạ số năm phải ở tù xuống dưới 10 năm, nhưng không thể hạ xuống dưới 5 năm.

Đương nhiên là trong các trường hợp đặc biệt thì về điều kiện cải tạo, phạm nhân vẫn phải đạt được đủ tiêu chuẩn đã đề ra.

C. THỦ TỤC XỬ GIẢM ÁN TÙ

Theo thông tư số 556-TTg nói trên thì việc giảm án tù do công an đề nghị, công tố xét và đưa tòa án xử.

Đề việc giảm án tù làm được thận trọng và bảo đảm chính sách nhưng đồng thời nhanh và gọn, về mặt thủ tục cần phải phân biệt 3 trường hợp sau đây:

1. Đối với phạm nhân thành án giam ở trại tạm giam tỉnh, thành phố.

Phạm nhân thành án giam ở trại tạm giam tỉnh, thành phố là những người phạm tội hình sự nhẹ, án xử đến 2 năm tù là nhiều, trừ một số ít bị án tù trên 2 năm nhưng vẫn giam ở tỉnh, thành phố để phục vụ cho trại.

Đối với phạm nhân bị án tù từ 2 năm trở xuống, nếu có tên nào đủ điều kiện được xét giảm án tù thì Ty Công an tỉnh, Sở Công an thành phố sẽ lập hồ sơ cải tạo (có kèm theo toàn sao bản án của phạm nhân) nêu rõ những thành tích cải tạo và làm đề nghị đưa sang Viện Công tố tỉnh, thành phố xét. Nếu Viện Công tố tỉnh, thành phố xét thấy có thể giảm án được thì chuyển hồ sơ với nhận xét của Viện Công tố sang Tòa án nhân dân tỉnh,

thành phố. Khi nhận được hồ sơ này, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố sẽ tự mình hoặc chỉ định một Thẩm phán viên nghiên cứu hồ sơ, lấy thêm tài liệu nếu xét cần, rồi đưa ra thuyết trình trước Hội đồng xét xử có đại diện của Viện Công tố tỉnh, thành phố tham dự. Hội đồng xét xử gồm có:

Chánh án và 2 Hội thẩm nhân dân,

hoặc Chánh án và 2 Thẩm phán,

hoặc Chánh án, 1 Thẩm phán và 1 Hội thẩm nhân dân,

sẽ họp ở phòng Chánh án (không mở phiên tòa công khai, không đòi phạm nhân) để xét hồ sơ cải tạo và bản án trước đây của phạm nhân. Sau khi nghe đại diện Viện Công tố tỉnh, thành phố trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử sẽ thảo luận và quyết nghị theo đa số. Quyết nghị của Hội đồng xét xử coi như là nhất định và có hiệu lực chấp hành ngay.

Đối với phạm nhân bị án tù trên 2 năm và đối với phạm nhân tuy có án tù dưới 2 năm nhưng là những phần tử phản cách mạng thì Ty Công an tỉnh, Sở Công an thành phố phải thỉnh thị cấp trên mình (Khu Công an hoặc Bộ Công an) trước khi làm đề nghị giảm án tù.

2. Đối với phạm nhân giam ở trại cải tạo Khu Tự trị.

Hai Khu Tự trị Việt Bắc và Thái Mèo đều có trại cải tạo khu để giam giữ những phạm nhân tội trạng tương đối nặng.

Đối với những phạm nhân này, nếu có tên nào đủ điều kiện được xét giảm án tù thì Khu Công an sẽ lập hồ sơ cải tạo và làm đề nghị sang Viện Công tố khu. Viện Công tố khu sẽ xét và đưa sang Tòa án Nhân dân khu xét và ra quyết nghị theo như thủ tục đã nói ở mục 1 phần C trên.

Quyết nghị của Tòa án Nhân dân khu coi như là nhất định và có hiệu lực chấp hành ngay.

3. Đối với phạm nhân giam ở các trại cải tạo trung ương.

Đối với các phạm nhân này, nếu có tên nào đủ điều kiện được xét giảm án tù thì Bộ Công an sẽ lập hồ sơ cải tạo và làm đề nghị sang Viện Công tố trung ương xét và đưa Tòa án Nhân dân Tối cao xét và ra quyết nghị về việc giảm án tù theo như thủ tục ở trước Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố. Vì ở Tòa án Nhân dân Tối cao không có Hội thẩm nhân dân nên Hội đồng xét xử sẽ gồm 3 vị thẩm phán (Chánh án hoặc Phó chánh án và 2 Thẩm phán).

Một điều cần chú ý là trước khi Tòa án Nhân dân khu hoặc Tòa án Nhân dân Tối cao quyết nghị giam án tù cho một phạm nhân nào, thì nên hỏi ý kiến của Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố đã xử phạt phạm nhân.

Khi ra quyết nghị giam án tù, nhất là khi giam án tù tha ngay, thì các Tòa án cần báo cho địa phương biết lý do giam án tù để địa phương giải thích cho nhân dân khỏi thắc mắc.

Việc giam án tù là một việc mới, chúng ta chưa có kinh nghiệm cho nên cần phải tiến hành thận trọng và vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Mỗi năm chỉ nên xét giam án tù một lần vào dịp lễ Quốc khánh 2-9 (nhưng cần phải xét kịp thời để có thể tuyên bố kết quả trước ngày Quốc khánh). Trường hợp đặc biệt thì có thể xét ngoài dịp lễ Quốc khánh 2-9, như là đối với những phạm nhân lập được công trong trại cải tạo, đối với phạm nhân già yếu có bệnh nặng, đối với phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ, đối với phạm nhân gần hết hạn giam nếu giam án tù thì có thể được tha ngay, nếu chờ ngày Quốc khánh thì không được hưởng sự khoan hồng đó v.v... Để việc xét giam án tù làm được tốt, từ nay trở đi mỗi khi đã có án nhất định rồi thì Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố phải sao lục toàn văn bản án gửi đến trại cải tạo hiện đang giam giữ phạm nhân để lưu vào hồ sơ cải tạo. Mỗi khi phạm nhân đổi qua trại khác, thì bản án này phải được gửi kèm theo với hồ sơ cải tạo của phạm nhân. Trại cải tạo có bản án này thì mới biết rõ tội trạng của phạm nhân và đặt kế hoạch cải tạo thích hợp, đồng thời mới đủ căn cứ để nhận định về sự cố gắng cải tạo của phạm nhân. Đối với Tòa án Nhân dân khu và Tòa án Nhân dân Tối cao khi xét giam án tù thì ngoài việc nghiên cứu hồ sơ cải tạo của phạm nhân, cũng cần nghiên cứu cả hồ sơ và bản án của phạm nhân.

Hà nội, ngày 11 tháng 8 năm 1959

Bộ trưởng
Bộ Tư pháp
VŨ ĐÌNH HÒE

K. T. Bộ trưởng
Bộ Công an
Thứ trưởng
LÊ QUỐC THÂN

Viện trưởng
Viện Công tố Trung ương
BÙI LÂM

K. T. Chánh án
Tòa án Nhân dân Tối cao
Phó chánh án
TRẦN CÔNG TƯỜNG

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH số 1314-BCN-KB2 ngày 14-7-1959 thành lập tạm thời Vụ Kỹ thuật thuộc Bộ Công nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị quyết Quốc hội khóa 5 thành lập Bộ Công nghiệp:

Thi hành chủ trương kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh biên chế, điều chỉnh cán bộ;

Trong khi chờ đợi Thủ tướng Chính phủ ra nghị định chính thức và được Ủy ban Kiện toàn tổ chức trung ương chấp thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay tạm thời thành lập Vụ Kỹ thuật trực thuộc Bộ.

Điều 2. — Vụ Kỹ thuật là cơ quan chuyên môn giúp Bộ nghiên cứu, lãnh đạo và quản lý công tác kỹ thuật toàn ngành công nghiệp, cụ thể có những nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu đề nghị với Bộ đường lối, phương châm, chính sách kỹ thuật của ngành công nghiệp, theo dõi tình hình quản lý kỹ thuật, giúp Bộ lãnh đạo thực hiện đường lối, phương châm, chính sách ấy.

2. Tổ chức việc nghiên cứu xây dựng thể lệ, chế độ, tiêu chuẩn kỹ thuật các ngành cơ, điện, luyện kim, khai khoáng, hóa chất..., về việc sử dụng, bảo dưỡng, tu sửa thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu và đảm bảo an toàn sản xuất, việc thi công cơ giới và bán cơ giới về xây dựng lắp máy.

3. Tổ chức việc nghiên cứu xác định các chỉ tiêu kỹ thuật kinh tế, các tiêu chuẩn kỹ thuật về lao động, thời gian và nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất, trong kiến thiết cơ bản để làm cơ sở cho việc tính toán định ngạch, định mức chỉ tiêu hoặc để lập sổ kiểm tra kế hoạch.

4. Nghiên cứu đề nghị những vấn đề cần nghiên cứu thí nghiệm khoa học để Bộ giao cho Viện Hóa học thi hành, có thể trực tiếp nghiên cứu thiết kế một số mặt hàng sản phẩm cần chế tạo làm mẫu trên cơ sở tận dụng nguyên liệu, phương tiện sẵn có.